NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

Thanh Hoá, Tháng 10/2026

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

Chủ đầu tư
Công ty CP Phát triển rừng bền vững VN
Giám đốc

Đơn vị Tư vấn
TT Nghiên cứu và Tư vấn QLTN
Giám đốc

Thanh Hoá, Tháng 10/2026

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT ..... ***II***
DANH MỤC BẢNG ..... ***III***
I. Giới thiệu ***1***
II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá ***1***
2.1. Mục tiêu 1
2.2. Nội dung đánh giá 2
2.3. Phương pháp đánh giá 2
III. Kết quả đánh giá ***2***
3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa 2
3.2. Tác động tích cực 3
3.3. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn 3
3.4. Các giải pháp giám thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp 7
IV. Kết luận và kiến nghị ***11***
4.1. Kết luận 11
4.2. Kiến nghị 11
PHỤ LỤC ***13***
Phụ lục 1: Bảng câu hỏi phỏng vấn cán bộ xã 13
Phụ lục 2: Bảng hỏi thu thập thông tin từ hộ gia đình 15

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
CCR	Chứng chỉ rừng
FSC	Hội đồng quản lý rừng (Forest Stewardship Council)

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 . Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng.....4
Bảng 2 . Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục 6
Bảng 3 . Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp 8

I.Giới thiệu

Nhóm Chứng chỉ rừng Phát triển bền vững là nhóm hộ thực hiện mô hình quản lý rừng bền vững tại tỉnh Thanh Hoá theo tiêu chuẩn FSC, gắn liền việc nâng cao chuỗi giá trị rừng trồng với trách nhiệm môi trường và xã hội.

Quản lý rừng bền vững phải đảm bảo 3 mục tiêu (i) Kinh tế; (ii) Môi trường và (iii) Xã hội, và tuân thủ quy trình, quy phạm, quy định của Nhà nước về quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn và giảm tác động của biến đổi khí hậu.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026 của Tỉnh Thanh Hoá cho thấy tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước đạt 7,21%. Trong đó, ngành Nông-Lâm nghiệp, Thuỷ sản tăng 3,13%; ngành Công nghiệp – Xây dựng tăng 9,67%; ngành Dịch vụ tăng 6,46%; Thuế sản phẩm tăng 2,19%. Toàn tỉnh trồng mới rừng tập trung với diện tích 6.700 ha. Sản lượng gỗ khai thác tăng 7,8% so với cùng kỳ.

Nhóm CCR Phát triển bền vững đăng ký thực hiện chứng chỉ Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn các xã Hoá Quỳ, Như Xuân và Xuân Bình thuộc Tỉnh Thanh Hoá, nhằm góp phần bảo vệ môi trường và cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn, miền núi. Duy trì và tăng cường phúc lợi xã hội cho người làm rừng. Ưu tiên bảo đảm công việc ổn định và an toàn lao động cho những người tham gia. Qua đó, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế xã hội tại các xã so với cùng kỳ phát triển năm 2026.

Hàng năm Nhóm CCR Phát triển bền vững tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại trên địa bàn Thanh Hoá - có diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất nguyên liệu của Công ty CP Phát triển rừng bền vững Việt Nam và nhu cầu thu mua tại địa phương.

II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá

2.1. Mục tiêu

Xác định được các tác động và đưa ra biện pháp làm giảm thiểu tác động tiêu cực tới cán bộ, công nhân viên, cộng đồng dân cư và các bên liên quan khi thực hiện các

hoạt động lâm nghiệp của chủ rừng.

2.2. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá tác động xã hội gồm 2 phần:

(i) Tác động xã hội nội bộ cơ quan/đơn vị của chủ rừng

Nội bộ đơn vị chủ rừng bao gồm các nhóm đối tượng:Tất cả các thành viên trong Ban Quản lý Nhóm CCR Phát triển bền vững, .

Đánh giá tác động xã hội nội bộ là xem xét các vấn đề ảnh hưởng đến các quá trình vận hành của Ban Quản lý Nhóm và các thành viên của nhóm, khi thực hiện các hoạt động lâm nghiệp;

(ii) Tác động xã hội bên ngoài cơ quan/đơn vị có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp;

Cộng đồng dân cư sống trong hoặc gần rừng cho chủ rừng quản lý;

Các bên liên quan;

Đánh giá tác động xã hội bên ngoài liên quan đến mối quan hệ giữa chủ rừng với cộng đồng thôn bản và các bên liên quan trong việc chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi từ rừng.

2.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp kế thừa các tài liệu, nghiên cứu đã có.

Phương pháp phỏng vấn hộ gia đình, thiết kế, sử dụng phiếu phỏng vấn chủ rừng để thu thập thông tin về kinh tế, xã hội, hoạt động trồng rừng của chủ rừng (Theo mẫu phỏng vấn như phụ lục 1).

- Quan sát thực tế các vấn đề liên quan.

III. Kết quả đánh giá

3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa

Các chủ rừng tham gia Nhóm CCR Phát triển bền vững phần lớn là dân tộc Kinh (chiếm 69%), ngoài ra còn có dân tộc Thái (chiếm 31%).

Theo khảo sát và thảo luận tại các cuộc họp nhóm, hiện tại không tồn tại các khu rừng thiêng, rừng ma. Đồng bào người Thái có các tập tục sinh hoạt, văn hoá gần như người Kinh. Ngoài ra, người Thái vẫn còn lưu giữ một số lễ hội bản địa như lễ làm cơm mới, bốc vía, bươn xào…vào ngày tết ngày 5 tháng 5 âm lịch. Tuy nhiên, các lễ hội này không bị ảnh hưởng hoặc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh rừng của Nhóm.

3.2. Tác động tích cực

Đóng góp về mặt kinh tế. Hoạt động kinh doanh rừng đã tạo công ăn việc làm cho nguồn lao động tại địa phương và các xã lân cận. Điều này được thể hiện qua kết quả phỏng vấn đại diện các nhóm, hoạt động kinh doanh rừng sản xuất giúp gia tăng hiệu quả kinh tế cho chủ rừng và tạo ra công việc cho những người dân lân cận. Do đó, hoạt động sản xuất rừng trồng bền vững giúp đẩy mạnh công cuộc xoá đói giảm nghèo tại địa phương và các vùng phụ cận.

Tổ chức quản lý chất lượng lao động theo luật pháp Việt Nam và công ước ILO: các cá nhân, tổ nhóm sản xuất lâm nghiệp được tập huấn về an toàn lao động, cũng như được tập huấn về các trang thiết bị bảo hộ lao động và cách sử dụng hiệu quả, sơ cấp cứu trong quá trình sản xuất.

Nâng cao năng lực cho cán bộ trong Ban Quản lý nhóm CCR Phát triển bền vững, thành viên Nhóm về Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Căn cứ các rà soát điều kiện ban đầu và giám sát hiện trường, Ban Quản lý Nhóm sẽ xây dựng kế hoạch tập huấn (nội dung tập huấn, thời gian tập huấn, số lượng người tham gia…), xây dựng chiến lược truyền thông để tăng cường kiến thức về Quản lý RBV theo tiêu chuẩn FSC và thay đổi nhận thức, tập quán canh tác của người dân địa phương theo hướng bền vững.

Tăng cường sự tham gia quản lý và vận hành hệ thống Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC giữa các bên liên quan tại địa phương. Điều này góp phần rất lớn trong quá trình quản lý Nhóm CCR Phát triển bền vững.

3.3. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn

Một số mặt hạn chế tiêu cực đã và có thể xảy ra khi người dân kinh doanh trồng rừng như sau:

(1) Một số hộ gia đình vẫn sử dụng lửa không kiểm soát để xử lý thực bì trước khi

trồng rừng.

(2) Thiên tai làm gãy đổ cây rừng

(3) Nguồn thu mua chưa ổn định, còn bấp bênh và phụ thuộc nhiều vào thị trường.

(4) Nguồn cây giống đạt chuẩn chưa phong phú, giống tại địa phương chưa đảm bảo tiêu chuẩn.

(5) Thiếu hụt tài chính do kinh doanh rừng có chu kỳ dài hơn kinh doanh nông nghiệp.

(6) An toàn trong sản xuất, lao động chưa được quan tâm

(7) Đường lâm sinh, đường dân sinh bị hư hỏng khi khai thác rừng.

Bảng 1. Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng

TT	Nội dung/ Hoạt động	Ảnh hưởng	Thực trạng
1	Đốt thực bì trước khi trồng rừng và sau khi khai thác.	Nguy cơ cháy lan vào rừng chưa khai thác ở các lô lân cận. Khi cháy rừng sẽ thiệt hại về kinh tế; Tốn công sức và tiền của khi tham gia chữa cháy. Người tham gia chữa cháy (nếu xảy ra cháy lan) sẽ đối diện với nguy cơ bị ảnh hưởng đến sức khoẻ như bỏng, ngạt, tai nạn khác.	Đây là hoạt động đang thường xuyên diễn ra trên địa bàn các xã đánh giá do việc dùng lửa để xử lý thực bì đem lại nhiều lợi ích đặc biệt về kinh tế đối với người trồng rừng như ít công, nhanh và dễ thực hiện.
2	Sử dụng hóa chất/thuốc diệt cỏ	Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của người sử dụng như ngộ độc khi thường xuyên hít phải. Ô nhiễm đến nguồn nước khi dư lượng hoá chất chưa phân huỷ hết và ngấm xuống đất cũng như mạch nước ngầm.	Trước đây đã có hộ gia đình trong vùng sử dụng, tuy nhiên người dân nhận thấy việc sử dụng hoá chất sẽ ảnh hưởng lớn đến con người và môi trường nên hiện tại không sử dụng
3	Thiên tai như gió bão hoặc nắng nóng.	Nếu trồng thuần loài, đều tuổi khi gặp thiên tai như cháy rừng, gió bão sẽ gây thiệt hại lớn đến kinh tế	Các xã đánh giá thuộc khu vực miền Trung, nơi thường xuyên đối mặt với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng vào mùa khô và thường hứng

			chịu gió bão vào mùa mưa.
4	Đầu ra không ổn định.	Thương lái là người trực tiếp thu mua rừng của người dân nên giá cả gần như thương lái quyết định. Khi nguồn nguyên liệu dồi dào họ dễ ép giá sản phẩm, đặc biệt khi gặp thiên tai gió bão làm gãy đổ tư thương ép giá rất rõ ràng và người dân buộc phải bán để hạn chế thiệt hại.	Hiện nay người dân trồng rừng chưa có nguồn thu mua ổn định, phụ thuộc nhiều vào thương lái;
5	Nguồn gốc cây giống chưa đảm bảo.	Nguồn gốc cây giống chưa được đảm bảo, chưa kiểm tra được xuất xứ nên chất lượng và năng suất rừng trồng biến động mạnh giữa các hộ và các lô rừng.	Người dân chưa chú ý về nguồn gốc cây giống. Một số hộ dân thường mua cây con ở các vườn ươm hộ gia đình chưa đảm bảo chất lượng.
6	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	Dễ xảy ra tai nạn khi trực tiếp tham gia sản xuất lâm nghiệp như quá trình làm đất, khai thác, sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật.	Người dân thường chủ quan vì nghĩ rằng bản thân có kinh nghiệm trong các khâu sản xuất, dẫn đến việc không quan tâm đến các tai nạn rủi ro. Giá thành của đồ bảo hộ lao động khá đắt. Không quen khi sử dụng.
7	Hư hỏng đường dân sinh (cộng đồng).	Vào mùa mưa nước đọng che khuất các hố sâu có thể gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông của người dân địa phương và khu vực lân cận	Một số vị trí đường dân sinh bị hư hỏng, xuất hiện "ổ gà", mặt đường bong tróc.
8	Sạt lỡ đường lâm sinh.	Đường lâm sinh hư hỏng gây khó khăn cho quá trình vận chuyển cây con trồng rừng hoặc gỗ khi khai thác. Gặp sự cố cháy rừng các phương tiện tham gia chữa cháy khó di chuyển để tiếp cận sát đám cháy.	Rừng ở khu vực đánh giá có độ dốc khá lớn do vậy đường lâm sinh thường xuyên bị sạt lỡ, xói mòn và lầy lội khi mùa mưa đến và tạo các

			rãnh sâu vào mùa khô.

Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục

TT	Nội dung dự báo	Nguy cơ xảy ra	Giải pháp khắc phục
1	Cháy rừng do đốt thực bì.	Cao	Tuyên truyền nâng cao nhận thức, hạn chế việc sử dụng lửa để đốt thực bì. Nên xử lý thực bì bằng cách băm nhỏ thực bì và để thực bì tự phân huỷ. Tập huấn kỹ thuật nâng cao năng lực cho người dân. Không được đốt xử lí thực bì khi có dự báo cháy rừng cấp 4 và cấp 5. Kết hợp với lực lượng chức năng giám sát chặt chẽ việc sử dùng lửa đốt xử lí thực bì vào mùa khô nóng. Trong trường hợp phải sử dụng biện pháp đốt xử lý thực bì cần thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật lâm sinh trong xử lý thực bì, đặc biệt là làm đường ranh đúng tiêu chuẩn và đốt đúng kỷ thuật.
2	Thiên tai như gió bão, nắng nóng kéo dài.	TB	Trồng hỗn giao các hàng cây bản địa vừa hạn chế cháy lan và là đai chắn gió an toàn cho cây Keo. Trồng lệch chu kỳ tránh rừng đều tuổi.
3	Đầu ra không ổn định.	TB	Ban đại diện nhóm CCR Phát triển bền vững cần phối hợp với doanh nghiệp thu mua gỗ uy tín, đảm bảo giá cả đầu ra cho người trồng rừng. Ưu tiên các doanh nghiệp, nhà máy thu mua và sản xuất nguyên liện hiện đang đóng trên địa bàn. Nhằm mục đích nâng cao giá trị gỗ FSC đầu ra và giảm chi phí phát sinh do vận chuyển. Đồng thời, tìm nguồn thu mua và ký cam kết đảm bảo bao tiêu sản phẩm đầu ra đặc biệt khi gặp thiên tai gió bão làm gãy đổ tránh việc tư thương mua ép giá. Thường xuyên cập nhật và công khai giá cả thị trường và quy cách mua bán gỗ cho các

			thành viên trong nhóm biết.
4	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	TB	Trang bị các trang phục bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, đặc biệt bảo hộ khi khai thác. Tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng phương tiện cơ giới, máy móc. Trang bị các túi cứu thương hiện trường và tập huấn về an toàn lao động cũng như cách sơ cấp cứu các tại nạn thường gặp trên hiện trường rừng.
5	Hư hỏng đường dân sinh.	TB	Giám sát tải trọng của các xe vận chuyển gỗ. Đề xuất đóng góp quỹ cho địa phương để duy tu bảo dưỡng định kỳ đường dân sinh. Nếu quá trình vận chuyển gỗ gây hư hỏng trực tiếp cần có biện pháp yêu cầu khắc phục.
6	Sạt lỡ đường lâm sinh.	TB	Rừng ở khu vực đánh giá có độ dốc khá lớn, cần ưu tiên sử dụng, sửa chữa đường vận xuất sẵn có. Không thi công mở đường khái thác vào thời điểm mùa mưa chính của địa phương.
7	Sử dụng hóa chất diệt cỏ	Thấp	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân nhằm hạn chế việc sử dụng hóa chất trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và lâm nghiệp nói riêng. Công khai danh mục các loại hoá chất cấm sử dụng trong Quản lý rừng bền vững tại các nhà họp cộng đồng, Hợp tác xã.
8	Nguồn giống chưa đảm bảo.	Thấp	Đề xuất một số công ty cung cấp giống đảm bảo tiêu chuẩn. Xây dựng vườn ươm đạt tiêu chuẩn để cung cấp nguồn cây giống cho địa phương.

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phân tích, 2026)

3.4.Các giải pháp giám thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp

Thông qua các buổi thảo luận nhóm, chúng tôi nhận thấy có nhiều nguy hiểm thường trực đối với người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Trong đó, các

mối nguy hiểm tập trung vào các nhóm hoạt động: trồng rừng (xử lý thực bì, đào hố làm đất, trồng cây), chăm sóc, bảo vệ, khai thác và vận xuất, vận chuyển.

Phần lớn các hoạt động sản xuất lâm nghiệp có rủi ro cao là do thiếu các trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp và do tính chủ quan của người lao động.

Dựa trên việc nhận diện và dự báo các rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra tai nạn cho người lao động trong quá trình sản xuất lâm nghiệp. Chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hạn chế các thương tích nghiêm trọng.

Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp

Mối nguy hiểm tiềm ẩn	Nguyên nhân	Giải pháp giảm thiểu
Bụi ảnh hưởng đến đường hô hấp.	Bụi từ đất đóng bầu làm ảnh hưởng đến đường hô hấp nếu không có khẩu trang bảo vệ.	Trang bị khẩu trang chống bụi đặc biệt khẩu trang chống bụi mịn.
Ngộ độc do tiếp xúc không an toàn với một số hoá chất.	Tiếp xúc trực tiếp không có các bảo hộ thích hợp.	Khi tiếp xúc trực tiếp phải có găng tay, khẩu trang, sau khi tiếp xúc cần tắm rửa sạch sẽ và thay áo quần.
Điện giật.	Rò rỉ điện ở các vị trí đấu nối, tiếp xúc không có thiết bị an toàn.	Thường xuyên kiểm tra các điểm đấu nối, khi tiếp xúc với các dụng cụ điện phải dùng găng tay cách điện.
Các loài động vật độc như rắn, rết, bọ cạp, ong chích, cắn.	Đây là nguy cơ xảy ra khá cao vì các loại này thường ẩn nấp dưới các tầng thảm mục, tán cây…	Cần xua đuổi, đánh động cho các vật độc di chuyển khỏi vị trí chúng ta làm việc. Mang trang phục bảo hộ lao động như găng tay, ủng, áo quần bảo hộ để hạn chế nọc độc tiếp xúc vào cơ thể khi bị tấn công.
Bỏng, ngạt do lửa.	Do đốt thực bì trước khi trồng, nguy cơ cháy lan vào rừng và người dân tham gia chữa cháy.	Chú ý an toàn khi tham gia chữa cháy, cần tham gia các khoá tập huấn nâng cao kỹ năng phòng cháy và chữa cháy rừng. Khi thấy mối nguy hiểm từ đám cháy lớn thì không được

		tiến hành chữa cháy trực tiếp. Tuân thủ sự chỉ đạo của người chỉ huy chữa cháy.
Trơn trượt ngã trên các sườn dốc.	Rừng có độ dốc khá lớn. Nguy cơ trượt chân ngã khi di chuyển hoặc trồng rừng trên sườn dốc, đặc biệt là vào mùa mưa.	Sử dụng ủng có độ bám tốt vào mùa mưa khi tiến hành các hoạt động trên đất dốc.
Đá, đất lăn, trượt theo sườn dốc.	Rừng núi có kết cấu đất yếu, độ dốc cao.	Sau khi mưa lớn cần kiểm tra nền đất trước khi tiến hành các hoạt động. Nếu thấy nền đất yếu cần dừng ngay các hoạt động.
Ngộ độc (nguồn nước, nấm độc, hoa quả, lá cây ở trong rừng).	Do sự chủ quan nên người dân bất cẩn trong việc sử dụng các loại thức ăn nước uống tự nhiên.	Không ăn các loại quả, nấm lạ. Nên chuẩn bị thức ăn, nước uống ở nhà và đem theo để đảm bảo an toàn.
Say nắng.	Tham gia trực tiếp dưới nắng nóng thời gian dài.	Đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, tránh việc lạm dụng sức khoẻ và làm việc quá sức.
Cây đổ.	Chặt hạ không đúng kỹ thuật. Do việc luỗng phát dây leo chưa thực hiện tốt. Do tác động của gió (hướng và tốc độ).	Tập huấn kỹ thuật khai thác cho công nhân khai thác gỗ. Phải tiến hành công tác phát dọn cây bụi, dây leo xung quanh gốc cây.
Cành cây khô mục gẫy rơi xuống.	Cành nhánh khô nhưng chưa rơi xuống.	Khi chặt hạ chú ý kiểm tra cành nhánh khô trên tán cây, nếu có phải tác động cho cành nhánh khô rụng trước khi chặt hạ.
Mất thăng bằng ngã bổ theo cây chặt.	Do đứng không đúng vị trí khi khai thác.	Tập huấn kỹ thuật khai thác. Nâng cao ý thức khi chọn vị trí khi khai thác.
Đứt xích cưa xăng.	Không kiểm tra kỹ dụng cụ trước khi hoạt động. Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Kiểm tra các dụng cụ đảm bảo an toàn trước khi thực hiện. Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác.

Gãy lưỡi cưa.	Không kiểm tra kỹ dụng cụ trước khi hoạt động. Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Kiểm tra các dụng cụ đảm bảo an toàn trước khi thực hiện. Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác.
Bụi (từ mạt cưa).	Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác, chú ý ốp bịt tai.
Tiếng ồn từ máy cưa (giảm thính giác).	Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác, chú ý ốp bịt tai.
Đứt cáp tời xe.	Rừng có độ dốc lớn. Không kiểm tra cẩn thận trước khi vận hành.	Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn của xe tải trước khi vận hành.
Xe trôi xuống dốc.	Rừng có độ dốc lớn. Không kiểm tra cẩn thận trước khi vận hành.	Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn của xe tải trước khi vận hành..
Gỗ trôi từ trên cao xuống.	Rừng có độ dốc lớn. Thói quen lao gỗ từ trên đỉnh dốc xuống.	Cần tránh lao gỗ từ trên xuống ở nơi có độ dốc lớn. Cần có biển cảnh báo khu vực tập kết gỗ.
Nước lũ cuốn.	Có nhiều khe suối trong rừng. Độ dốc lớn nên dễ có lũ lớn khi trời mưa.	Khi có mưa lớn, cần tìm chỗ tránh trú an toàn, không vượt qua các ngầm nước và các con suối. Hạn chế hoạt động trong mùa mưa.
Gỗ đè.	Do việc bốc dỡ thủ công và không có các thiết bị bảo hộ đúng chuẩn.	Tuân thủ quy tắc khi bốc và xếp gỗ. Sử dụng các thiết bị bảo hộ thích hợp.
Người rơi khỏi xe.	Chở người trên xe vận chuyển gỗ trong khi đường lâm sinh rất gồ ghề và khúc khuỷu.	Tuyệt đối không được vận chuyển người trên thùng xe tải.
Gỗ rơi xuống đường	Không buộc gỗ chắc chắn khi vận chuyển.	Gỗ phải được xếp gọn gàng và buộc chắc chắn trên thùng xe, đảm bảo không bị rớt trong quá trình di chuyển.

Lật xe	Đường lâm sinh gồ ghề, khúc khuỷu. Có thể do chở quá tải. Hệ thống an toàn của xe không tốt.	Kiểm tra hệ thống an toàn của xe trước khi vận hành. Không chở quá tải trọng cho phép. Hạn chế hoạt động vào mùa mưa.

IV. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Đã phân tích và tổng hợp được 4 vấn đề tích cực mà hoạt động lâm nghiệp đem lại cho cộng đồng dân cư về kinh tế và xã hội bao gồm (1) Không xảy ra xung đột trong hoạt động trồng rừng giữa các bên liên quan; (2) Thay đổi về nhận thức theo chiều hướng tích cực trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp; (3) Tạo nguồn thu nhập cho người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác...; (4) Tham gia vào nhóm chứng chỉ rừng đem lại lợi ích về kinh tế.

Thông qua phỏng vấn và khảo sát hiện trường, cho thấy diện tích của Nhóm CCR Phát triển bền vững không có các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hoá, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hoặc tâm linh đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời, các hoạt động quản lý và bảo vệ của chủ rừng đều được đồng ý thông qua sự thoả thuận giữa các bên liên quan với cộng đồng địa phương.

Trong tổng số 2265 hộ đăng ký tham gia Nhóm CCR Phát triển bền vững, số hộ và lô rừng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rất thấp và gần như sổ đều được thế chấp ở ngân hàng. Do đó, để đảm bảo điều kiện tham gia vào Nhóm CC, các hộ này đã được chính quyền địa phương xác nhận các diện tích này là đất canh tác ổn định, không tranh chấp và không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành. Các hộ này sẽ được cập nhật tình trạng pháp lý về diện tích đăng ký nhóm CCR khi có thay dổi hoặc được cấp sổ.

Báo cáo cũng đã tìm ra 9 vấn đề tiêu cực, hạn chế còn tồn tại, đồng thời đã đề xuất cụ thể các giải pháp khắc phục nhằm hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực.

4.2. Kiến nghị

Ngoài các đề xuất đã được nêu cụ thể trên, để nâng cao hiệu quả về mặt xã hội và tính khả thi cho các giải pháp cần chú ý một số vấn đề sau:

Các hộ dân tham gia nhóm chứng chỉ rừng Phát triển bền vững cần tuyên truyền cho người dân chưa tham gia vào nhóm biết được hiệu quả của việc trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC, hiểu được những lợi ích về kinh tế, môi trường và xã hội khi tham gia vào quản lý rừng bền vững gắn với chứng chỉ rừng

Tăng cường sự tham gia của các cấp chính quyền và các bên liên quan trong công tác tuyên truyền mở rộng việc thực hiện quản lý rừng bền vững và làm cấp chứng chỉ rừng FSC cho hộ gia đình, góp phần tăng tính bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái - phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

Cần có các chế tài xử phạt đối với những hộ dân chưa chấp hành tốt các nguyên tắc và tiêu chí của tiêu chuẩn FSC như xả rác thải, không mang các loại trang thiết bị bảo hộ lao động, đốt rừng không kiểm soát.

Đối với phần diện tích tham gia FSC tăng thêm hàng năm, cần tiến hành đánh giá tác động môi trường, tác động xã hội bổ sung nhằm duy trì và phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, kinh tế xã hội của người dân.

Thường xuyên trang bị và cập nhật các kiến thức về an toàn lao động cho người lao động. Luôn tuân thủ các quy trình sản xuất và các chỉ dẫn đề ra trong khi sử dụng máy móc thiết bị trong sản xuất.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng câu hỏi phỏng vấn cán bộ xã

Tên xã: .....Tỉnh/ TP: .....

Họ và tên người được phỏng vấn:.....

Chức vụ:.....

A. THÔNG TIN CHUNG

Tổng số hộ trong xã:……..Tổng số nhân khẩu .....

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm).....

Cơ cấu thu nhập (%): NLN:…….%. CN-TTCN:……..% TM-DV.....%

Tổng diện tích tự nhiên của xã:.....

Tổng diện tích đất lâm nghiệp tại xã?.....

Diện tích các loại rừng: RĐD: ..... RPH:……..RSX:.....

Tổng diện tích rừng trồng? ..... Tổng diện tích rừng tự nhiên?.....

Tổng diện tích rừng Keo.....Diện tích cây bản địa .....

Diện tích rừng đã giao: .....Diện tích chưa giao .....

Số hộ được nhận rừng: .....Số hộ có sổ đỏ: .....

Có diện tích rừng trồng nào trong xã chuyển đổi từ rừng tự nhiên nghèo không?.....

Diện tích chuyển đổi? ..... Năm chuyển đổi .....

Diện tích rừng tự nhiên trong xã tăng hay giảm so với trước đây? .....

Tăng/giảm bao nhiêu?..... Nguyên nhân? .....

B. CÁC THÔNG TIN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Khu vực có xuất hiện loài di cư nào không? .....

2. Khu vực có vùng đầu nguồn xung yếu không? .....

3. Có bao nhiêu người phụ thuộc vào khu vực này? .....

4. Người dân trong xã có hay vào rừng thu hái lâm sản ngoài gỗ không? .....

5. Liệt kê các loài động thực vật **có gặp** trong và gần các khu rừng trồng Keo:

Các loài động thực vật quý hiếm: .....

Các loài động vật: .....

Các loài cây trồng và cây bản địa .....

Các loài Lâm sản ngoài gỗ:.....

Các loài thủy sản thường gặp.....

6. Khu vực xã có cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống không? .....

7. Người dân trong xã có phụ thuộc vào các nguồn nước tự nhiên không? .....

Tỷ lệ phụ thuộc là bao nhiêu %?.....

8. Khu vực xã có đền thờ/miếu mạo/nghĩa địa/di tích không? .....

Các khu vực này có giá trị nhận diện văn hóa không? .....

C. THÔNG TIN LIÊN QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI

Các thủ tục người dân phải làm khi trồng rừng: .....

Các thủ tục người dân phải làm khi khai thác rừng:.....

Các loại thuế/phí/đóng góp khi trồng hoặc khi khai thác: .....

Công tác quản lý các đường dân sinh/Lâm sinh như thế nào .....

Các loại tai nạn thường gặp trong sản xuất Lâm nghiệp .....

Các tổ chức/dự án/chương trình hỗ trợ Lâm nghiệp trên xã.....

Các đội nhóm/HTX tham gia vào sản xuất Lâm nghiệp .....

----------XIN CẢM ƠN ÔNG/BÀ ĐÃ HỢP TÁC----------

Phụ lục 2: Bảng hỏi thu thập thông tin từ hộ gia đình

Nội dung: Đánh giá tác động xã hội - SIA

Thời gian: *Ngày ... tháng ....năm .....*

I. THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH

Câu 1. Họ và tên:.....Loại hộ:.....
Tên nhóm:.....
Câu 2. Địa chỉ:.....
Câu 3: Điện thoại: .....
Câu 4. Độ tuổi.....
a) Dưới 40 tuổi b) Từ 41 đến 50 tuổi
c) Từ 51 đến 60 tuổi d) Trên 60 tuổi
Câu 5. Dân tộc
a) Kinh b) Dân tộc thiểu số (ghi cụ thể):.....
Câu 7. Nghề nghiệp chính hiện nay
.....

II. NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Câu 1. Diện tích tham gia chứng chỉ bao nhiêu? Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?
1. Có, bao nhiêu ha?.....
2. Không, bao nhiêu ha? .....
Câu 2. Ông/bà trồng cây gì trên diện tích rừng của gia đình?
1. Keo
2. Cây bản địa
3. Khác, loài gì? .....
Câu 3. Chu kỳ trồng rừng (kinh doanh rừng) của gia đình là mấy năm?
.....
Câu 4. Mật độ trồng rừng của ông/bà bao nhiêu?
.....
Câu 5. Ông/bà có xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác rừng bền vững không?
.....
Câu 6. Các hội viên có ký cam kết thời gian khai thác không?
1. Có, bao nhiêu năm?
.....
2. Không
Câu 7. Thu nhập từ trồng rừng

Sản phẩm	Rừng chưa có chứng chỉ		Rừng có chứng chỉ	
	Gỗ dăm (Triệu đồng)	Gỗ xẻ (Triệu đồng)	Gỗ dăm (Triệu đồng)	Gỗ xẻ (Triệu đồng)
Tỉa thưa				
Khai thác				

Câu 8. Rừng có chứng chỉ và rừng không có chứng chỉ giá cả có khác biệt không?
1. Có, giá bán từng loại từng?.....
2. Không
Câu 9. Ông/bà cho biết cơ cấu thu nhập của gia đình trong 1 năm?

1. Nông nghiệp (%): .....
2. Lâm nghiệp (%): .....
3. Dịch vụ buôn bán (%): .....
4. Lương và ccs khoản thu nhập khác (%): .....

Câu 10. Ông/ba cho biết thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp của gia đình trong 1 năm là bao nhiêu?

1. Từ bán gỗ (rừng trồng): .....
2. Từ bán cây giống: .....
3. Từ các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ: .....
4. Từ hoạt động làm công: .....
- Trồng rừng: .....
- Khai thác: .....
- Vận chuyển gỗ:.....

Câu 11. Ông/bà có được tham gia các lớp tập huấn về Kỹ thuật khai thác gỗ an toàn lao động và sơ cấp cứu cho các hội viên không?

.....

Câu 12. Ông/bà có trực tiếp khai thác gỗ hay không?

1. Có
2. Không

Câu 13. Các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong:

13.1. Bảo hộ an toàn khi cưa cây?

1. Có, bảo hộ là gì? .....
2. Không, vì sao? .....

13.2. Bảo hộ an toàn khi bóc vỏ?

1. Có, bảo hộ là gì? .....
2. Không, vì sao? .....

13.3. Bảo hộ an toàn khi vận chuyển gỗ lên xe (bóc vát)?

1. Có, bảo hộ là gì? .....
2. Không, vì sao? .....

Câu 14. Ông/bà có giám sát các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong các khâu kinh doanh rừng hay không? Đặc biệt khi khai thác?

1. Có, khi giám sát ông/bà chú ý đến điều gì?

.....

2. Không

Câu 15. Đường dân sinh trong vùng có bị ảnh hưởng bởi quá trình vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....

2. Không

Câu 16. Đường lâm sinh có bị ảnh hưởng bởi quá trình khai thác, vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....

2. Không

--- Xin cảm ơn ông/bà đã hợp tác ---

Phụ lục 3: Danh sách các hộ phỏng vấn

STT	Họ và Tên chủ rừng	Thôn	Xã
1	Ngô Thị Hương	Bình Minh	Xuân Bình
2	Nguyễn Thị Thu	Bình Minh	Xuân Bình
3	Nguyễn Mậu Nhiên	Xuân Hoà	Xuân Bình
4	Lê Phương Phi	Xuân Hoà	Xuân Bình
5	Lô Văn Ba	Xuân Tiến	Xuân Bình
6	Ngô Xuân Quang	Xuân Hoà	Xuân Bình
7	Lê Thị Phúc	Bình Minh	Xuân Bình
8	Vi Văn Tuấn	Xuân Tiến	Xuân Bình
9	Vi Văn Sao	Xuân Hoà	Xuân Bình
10	Đỗ Minh Thắng	Xuân Hoà	Xuân Bình
11	Đỗ Văn Thành	Tân Bình	Như Xuân
12	Bùi Văn Sơn	Quế Phú	Như Xuân
13	Nguyễn Hữu Luận	Quế Phú	Như Xuân
14	Bùi Thị Gấm	Tân Bình	Như Xuân
15	Phạm Khắc Cương	Yên Thành	Như Xuân
16	Lê Ngọc Giới	Yên Thành	Như Xuân
17	Lương Văn Tuấn	Yên Xuân	Như Xuân
18	Lê Anh Hoa	Yên Xuân	Như Xuân
19	Hà Văn Chung	Mai Thắng	Như Xuân
20	Đinh Văn Vĩnh	Mai Thắng	Như Xuân
21	Vi Văn Xoan	Bình Lương 1	Hóa Quỳ
22	Cao Xuân Hợp	Bình Lương 1	Hóa Quỳ
23	Lê Phước Bé	Hóa Quỳ 2	Hóa Quỳ
24	Lê Trọng Hiền	Bình Lương 1	Hóa Quỳ
25	Bùi Đình Ngọc	Bình Lương 2	Hóa Quỳ
26	Lê Khắc Phương	Xuân Quỳ	Hóa Quỳ
27	Trương Xuân Danh	Xuân Quỳ	Hóa Quỳ
28	Đinh Đình Hoà	Bình Lương 1	Hóa Quỳ
29	Bùi Quang Thanh	Hóa Quỳ 2	Hóa Quỳ
30	Trương Văn Kim	Xuân Quỳ	Hóa Quỳ

Phụ lục 4: Một số hình ảnh triển khai







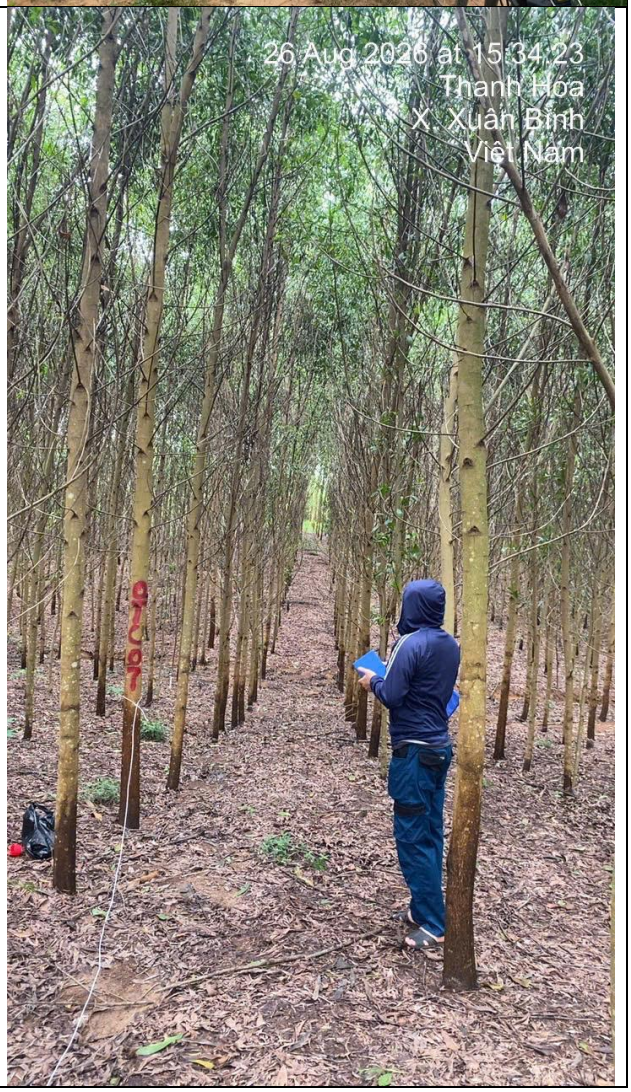


Hội nghị cấp xã và truyền thông đăng ký tại 03 xã Hoá Quỳ, Xuân Bình và Như Xuân









Khảo sát hiện trường kết hợp phỏng vấn hộ dân